

Số: 234/QĐ-ĐHTM

Hà Nội, ngày 23 tháng 12 năm 2022

## QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo  
Phân tích kinh doanh trong môi trường số trình độ đại học**

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ về Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 1119/QĐ-ĐHTM ngày 22/7/2021 của Trường Đại học Thương mại ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Thương mại;

Căn cứ Quyết định số 2293/QĐ-ĐHTM ngày 16/12/2022 của Trường Đại học Thương mại ban hành Quy định phát triển chương trình đào tạo của Trường Đại học Thương mại;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường ngày 9/12/2022 về việc thông qua đề án xây dựng 06 chương trình đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Nghị quyết số 73/NQ-HĐT ngày 12/12/2022 của Hội đồng Trường Đại học Thương mại về việc thông qua các đề án xây dựng 06 chương trình đào tạo trình độ đại học;

Xét đề nghị của Trường phòng Quản lý đào tạo,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo **Phân tích kinh doanh trong môi trường số trình độ đại học** (có bản chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo kèm theo).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Khoa Toán kinh tế chịu trách nhiệm quản lý chương trình đào tạo Phân tích kinh doanh trong môi trường số trình độ đại học.

**Điều 3.** Các Ông (Bà) Trưởng phòng Quản lý đào tạo, Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục, Pháp chế - Thanh tra, Kế hoạch - Tài chính và Trưởng khoa Toán kinh tế chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3 (để thực hiện);
- Lưu: VT, QLĐT, TKT.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG  
ĐẠI HỌC  
THƯƠNG MẠI

PGS, TS Nguyễn Hoàng

**CHUẨN ĐẦU RA NGÀNH KINH TẾ SỐ**

(Ban hành theo Quyết định số 2344/QĐ-ĐHTM ngày 23. tháng 12 năm 2022  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại)

|                          |   |
|--------------------------|---|
| <b>Ngành đào tạo:</b>    | <b>Kinh tế số</b><br><b>Digital Economics</b> |
| <b>Trình độ đào tạo:</b> | <b>Đại học</b>                                |
| <b>Mã ngành:</b>         | <b>7310109</b>                                |

**1. Mục tiêu của ngành đào tạo**

- *Mục tiêu chung:*

Đào tạo cử nhân ngành Kinh tế số có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; có kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị và pháp luật; có kiến thức chuyên môn toàn diện ngành Kinh tế số; có kiến thức lý luận, thực tiễn cốt lõi và cần thiết đối với người làm việc trong lĩnh vực kinh tế số; có kỹ năng phân tích, tổng hợp phản biện, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, triển khai các dự án kinh tế số, có năng lực làm việc độc lập sáng tạo trong các tổ chức, đáp ứng yêu cầu phát triển mạnh mẽ của môi trường số và cách mạng công nghiệp lần thứ Tư.

- *Mục tiêu cụ thể:*

Đào tạo cử nhân ngành Kinh tế số đáp ứng chuẩn đầu ra của ngành đào tạo có năng lực sau đây:

+ Có khả năng vận dụng được kiến thức chuyên môn toàn diện trong lĩnh vực kinh tế số: Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị và pháp luật, kinh tế, tài chính nhằm hỗ trợ tìm hiểu, giải quyết những vấn đề liên quan; Kiến thức toàn diện, chuyên sâu về kinh tế số, thống kê ứng dụng và công nghệ thông tin nhằm giải quyết các vấn đề về chuyển đổi số, kinh doanh số tại các doanh nghiệp, các tổ chức trong bối cảnh phát triển kinh tế số;

+ Có khả năng vận dụng kiến thức lý thuyết và thực tiễn của Ngành Kinh tế số, thực hành được các kỹ năng chuyên sâu về công nghệ số và chuyển đổi số, kinh doanh số trong các tổ chức. Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin và chuẩn tiếng Anh theo quy định của Nhà trường;

+ Có năng lực tự chủ, trách nhiệm trong lĩnh vực chuyên môn về kinh tế số: Có đạo đức nghề nghiệp; Tôn trọng và chấp hành pháp luật; Có khả năng làm

việc độc lập, làm việc nhóm; Có khả năng học tập nâng cao trình độ ở các bậc học cao hơn về Kinh tế và Kinh doanh.

## **2. Yêu cầu về kiến thức**

(PLO1): Áp dụng được các kiến thức cơ bản về lý luận chính trị, pháp luật, khoa học xã hội, toán học, tin học để giải quyết vấn đề trong kinh tế số.

(PLO2): Vận dụng được các nguyên lý cơ bản về kinh tế, quản trị kinh doanh và các kiến thức ngành vào giải quyết các vấn đề thực tiễn trong kinh tế số.

(PLO3): Phân tích được các kiến thức chuyên sâu và hiện đại về: Lý thuyết kinh tế số; Các mô hình kinh doanh số; Chuyển đổi số; Cơ sở dữ liệu; Khai phá dữ liệu trong kinh doanh... vào hoạt động thực tiễn của các tổ chức, doanh nghiệp trong bối cảnh phát triển kinh tế số.

## **3. Yêu cầu về kỹ năng**

(PLO4): Thực hành được kỹ năng áp dụng kiến thức để phân tích môi trường kinh doanh trong nền kinh tế số; kỹ năng thu thập, phân tích và xử lý dữ liệu bằng các công cụ hiện đại và đề xuất các giải pháp cho doanh nghiệp, tổ chức trong bối cảnh nền kinh tế số.

(PLO5): Thực hiện được các kỹ năng phân tích, tổng hợp, ra quyết định trong môi trường làm việc nhiều thay đổi của nền kinh tế số.

(PLO6): Sử dụng hiệu quả ngôn ngữ tiếng Anh, các phần mềm và các công cụ thống kê trong công việc.

(PLO7): Thực hành được kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình và khả năng dẫn dắt, thuyết phục trong giải quyết các vấn đề về kinh tế số.

## **4. Yêu cầu về mức độ tự chủ và trách nhiệm**

(PLO8): Có khả năng tự chủ, tự định hướng, làm việc độc lập và làm việc theo nhóm; có năng lực tự học tập suốt đời; thích ứng cải tiến sáng tạo trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao.

(PLO9): Có trách nhiệm với việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, với tổ chức tham gia, với cộng đồng và xã hội; có khả năng hướng dẫn, giám sát người khác thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn.

(PLO10): Có ý thức công dân; có trách nhiệm xã hội, tuân thủ các quy tắc và đạo đức nghề nghiệp.

## **5. Yêu cầu về ngoại ngữ và tin học**

(PLO11): Đạt chuẩn Tiếng Anh trình độ bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam theo Quy định chuẩn đầu ra Tiếng Anh đối với sinh

viên trình độ đại học của Trường Đại học Thương mại ban hành kèm theo Quyết định 2422/QĐ-ĐHTM năm 2022 của Trường Đại học Thương mại.

(PLO12): Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Quy định về yêu cầu chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin đối với sinh viên trình độ đại học hệ chính quy không thuộc ngành Hệ thống thông tin quản lý ban hành kèm theo Quyết định số 634/QĐ-ĐHTM ngày 26/9/2017 và được bổ sung, sửa đổi theo Quyết định số 338/QĐ-ĐHTM ngày 14/3/2022 của Trường Đại học Thương mại.

## **6. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp**

### ***Các vị trí việc làm phù hợp sau tốt nghiệp***

Người học tốt nghiệp ngành Kinh tế số có thể theo đuổi sự nghiệp ở các vị trí công tác sau:

- Chuyên viên, tư vấn viên về phân tích kinh tế - kinh doanh, nghiên cứu thị trường, phân tích dữ liệu, hỗ trợ kinh doanh, quản lý dự án, Logistics, ...
- Chuyên gia về phân tích kinh tế - kinh doanh và chuyển đổi số;
- Các nhà nghiên cứu, giảng viên ngành Kinh tế số;

Ngoài ra, người học sau khi tốt nghiệp có thể tự khởi sự kinh doanh, thành lập công ty tư vấn chiến lược kinh tế - kinh doanh, tư vấn phát triển kinh tế, tư vấn giải pháp kinh doanh.

### ***Các tổ chức, doanh nghiệp có cơ hội làm việc phù hợp***

Người học tốt nghiệp ngành Kinh tế số có thể làm việc cho các tổ chức và doanh nghiệp sau:

- Các doanh nghiệp Việt Nam; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, các công ty liên doanh; công ty đa quốc gia;
- Các tổ chức/ khu vực công, các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức kinh tế-xã hội từ trung ương đến địa phương;
- Các cơ sở giáo dục đào tạo: học viện, viện nghiên cứu, trường đại học, trường cao đẳng, trường trung cấp, ... có nghiên cứu và đào tạo về kinh tế số.

## **7. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp**

- Trên nền tảng các kiến thức và kỹ năng đã được trang bị, sinh viên sau khi tốt nghiệp ngành Kinh tế số có khả năng tiếp tục học tập ở trình độ thạc sĩ, tiến sĩ cùng ngành hoặc ngành gần tại nhiều trường đại học trong và ngoài nước;

- Người học có khả năng chuyển đổi hoặc liên thông sang các ngành đào tạo khác, đặc biệt các ngành thuộc khối ngành kinh tế; quản lý và kinh doanh;

- Người học có khả năng tự nghiên cứu, học tập, bổ sung, cập nhật các tri thức và kỹ năng của nhà phân tích kinh tế - kinh doanh trong môi trường số để đáp ứng yêu cầu công việc với nhiều biến động trong bối cảnh phát triển kinh tế số.

## **8. Các chương trình, chuẩn đầu ra quốc tế đã tham khảo**

### **8.1. Trong nước**

- Quyết định 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Khung trình độ Quốc gia;

- Chương trình đào tạo cử nhân Kinh doanh số (bằng tiếng Anh), chuyên ngành Quản trị Kinh doanh, trường Đại học Kinh tế Quốc dân

<https://daotao.neu.edu.vn/vi/chuong-trinh-dao-tao-bang-tieng-anh/kinh-doanh-so-e-bdb>

- Chương trình đào tạo cử nhân ngành Kinh tế số, trường Đại học Thủy lợi  
<http://fem.tlu.edu.vn/dao-tao/clip-gioi-thieu-nganh-kinh-te-so-1022>

- Chương trình đào tạo cử nhân ngành Kinh tế số, chuyên ngành Kinh tế và Kinh doanh số, Học viện Chính sách và Phát triển, Bộ Kế hoạch và Đầu tư

[http://apd.edu.vn/en/cac-chuong-trinh-dao-tao6/-/asset\\_publisher/oZMtrdKOUKAe/content/id/505595](http://apd.edu.vn/en/cac-chuong-trinh-dao-tao6/-/asset_publisher/oZMtrdKOUKAe/content/id/505595)

- Chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế số, Trường Đại học Công nghệ thông tin và Truyền thông, Đại học Thái Nguyên

<https://tuyensinh.ictu.edu.vn/nganh-kinh-te-so-ictu/>

- Chương trình đào tạo cử nhân ngành Kinh tế số, chuyên ngành Kinh tế và Kinh doanh số, Học viện Nông Nghiệp Việt Nam

<https://tuyensinh.vnua.edu.vn/nganh-kinh-te-so/>

- Chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế số, ngành Kinh tế số, Trường Đại học Nam Cần Thơ

<https://nctu.edu.vn/de-an-tu-chu-mo-nganh-kinh-te-so-trinh-do-dai-hoc>

- Chương trình đào tạo cử nhân Phân tích dữ liệu kinh doanh (bằng tiếng Anh), Trường Quốc tế, Đại học Quốc gia Hà Nội

<http://www.is.vnu.edu.vn/phan-tich-du-lieu-kinh-doanh/>

### **8.2. Ngoài nước**

- Arizona State University (Ranking 219), Business Data Analytics (BSc)

<https://degrees.apps.asu.edu/bachelors/major/ASU00/BABDABS/business-data-analytics?init=false&nopassive=true>

- University of Amsterdam (Ranking 58), Business Analytics (BSc)

<https://www.uva.nl/en/programmes/bachelors/business-analytics/study-programme/study-programme.html>

- La Trobe University, (Ranking 316), Business Analytics (BSc)

<https://www.latrobe.edu.au/courses/bachelor-of-business-analytics>

- University of Newcastle, (Ranking 192), Business Analytics (BSc)

[https://www.newcastle.edu.au/\\_data/assets/pdf\\_file/0007/790693/B-Commerce-B-Business-Analytics-40265-Newcastle-2022.pdf](https://www.newcastle.edu.au/_data/assets/pdf_file/0007/790693/B-Commerce-B-Business-Analytics-40265-Newcastle-2022.pdf)

- Universiti Brunei Darussalam, (Ranking 256), Digital Economy (BSc)

<https://ubd.edu.bn/c31/bsc-in-digital-economy.html>

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG  
ĐẠI HỌC  
THƯƠNG MẠI

PGS, TS. Nguyễn Hoàng

TRƯỞNG KHOA



TS. Phan Thanh Tùng

## CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số ~~2344~~/QĐ-ĐHTM ngày ~~23~~ tháng ~~12~~ năm ~~2022~~  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại)

|                              |   |
|------------------------------|---|
| <b>Chương trình đào tạo:</b> | <b>Tên tiếng Việt: Phân tích kinh doanh trong môi trường số</b><br>(Tên tiếng Anh: <b>Business analytics in Digital environment</b> ) |
| <b>Trình độ đào tạo:</b>     | <b>Đại học</b>  |
| <b>Ngành đào tạo:</b>        | <b>Kinh tế số</b>   |
| <b>Mã ngành:</b>             | <b>7310109</b>  |
| <b>Chuyên ngành đào tạo:</b> | <b>Phân tích kinh doanh trong môi trường số</b>   |
| <b>Ngôn ngữ đào tạo:</b>     | <b>Tiếng Việt</b>   |

### 1. Mục tiêu của chương trình đào tạo

- *Mục tiêu chung:* Chương trình phân tích kinh doanh trong môi trường số là CTĐT định hướng ứng dụng, đào tạo cử nhân ngành Kinh tế số, chuyên ngành Phân tích kinh doanh trong môi trường số có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; có kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị và pháp luật; có kiến thức chuyên sâu và hiện đại về phân tích kinh doanh trên nền tảng số; có năng lực tự nghiên cứu, làm việc độc lập, sáng tạo cũng như làm việc nhóm.

Sinh viên sau khi tốt nghiệp có khả năng thực hành các kiến thức, tham gia phân tích kinh doanh, tư vấn chiến lược, quy hoạch và tư vấn quản lý các hoạt động kinh tế - kinh doanh trong môi trường số; sinh viên tốt nghiệp có khả năng làm việc đáp ứng được nhu cầu chuyển đổi số tại các tổ chức và các doanh nghiệp; có khả năng nghiên cứu và giảng dạy tại các học viện, viện nghiên cứu, các trường đại học, cao đẳng đào tạo chuyên ngành; có cơ hội học tiếp các chương trình sau đại học.

- *Mục tiêu cụ thể:*

Đào tạo cử nhân ngành kinh tế số có kiến thức cơ bản và hiện đại về thống kê ứng dụng, công nghệ thông tin và kinh tế - kinh doanh, nắm được xu hướng chuyển đổi số của các doanh nghiệp, các tổ chức trong thời đại số;

Đào tạo cử nhân ngành kinh tế số có kiến thức chuyên sâu về phân tích dữ liệu và công nghệ số trong kinh doanh và thương mại;

Đào tạo cử nhân ngành kinh tế số có khả năng phát hiện vấn đề, thu thập và xử lý số liệu bằng các công cụ hiện đại nhằm dự báo, đề xuất các chiến lược kinh doanh thông minh cho các doanh nghiệp/tổ chức trong bối cảnh phát triển nền kinh tế số;

Đào tạo cử nhân ngành kinh tế số có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp cần thiết; có năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm, tự học và sáng tạo để nâng cao kiến thức, phát triển kỹ năng trong lĩnh vực chuyên môn về phân tích kinh doanh trong quá trình chuyển đổi số.

## **2. Yêu cầu về kiến thức**

(PLO1): Áp dụng được các kiến thức cơ bản về lý luận chính trị, pháp luật, khoa học tự nhiên, xã hội và kiến thức nền về kinh tế vào hoạt động phân tích kinh doanh của doanh nghiệp và tổ chức;

(PLO2): Vận dụng được các kiến thức tổng hợp về kinh tế, kinh doanh và triển khai quy trình xử lý dữ liệu trên các nền tảng công nghệ hiện đại phục vụ cho hoạt động phân tích kinh doanh và hỗ trợ ra quyết định của doanh nghiệp và tổ chức trong bối cảnh phát triển nền kinh tế số;

(PLO3): Vận dụng được các kiến thức bổ trợ trong tiếp cận và giải quyết các vấn đề chuyên môn ngành kinh tế số; hoặc có thể chuyển đổi sang ngành đào tạo khác hay học lên các trình độ cao hơn thuộc khối ngành kinh tế, kinh doanh và quản lý;

## **3. Yêu cầu về kỹ năng**

(PLO4): Thực hành được kỹ năng áp dụng kiến thức để thu thập, phân tích và xử lý dữ liệu bằng các công cụ hiện đại.

(PLO5): Thực hiện được các kỹ năng tổng hợp, lập báo cáo, đánh giá và đề xuất các giải pháp kinh doanh.

(PLO6): Thực hành được các kỹ năng vận dụng công nghệ thông tin và công nghệ số trong giải quyết công việc.

(PLO7): Thực hiện được các kỹ năng thuyết trình và khả năng dẫn dắt nhằm truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; thử nghiệm được các kỹ năng phân tích kinh doanh trong khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.

## **4. Yêu cầu về mức độ tự chủ và trách nhiệm**

(PLO8): Có khả năng tự chủ, tự định hướng, làm việc độc lập để đưa ra kết luận và bảo vệ được quan điểm cá nhân trong chuyên môn; có khả năng làm việc theo nhóm để xây dựng kế hoạch, tổ chức và thực hiện các nhiệm vụ phân tích kinh doanh trong môi trường số.



(PLO9): Có tinh thần khởi nghiệp; có năng lực tự học tập suốt đời; có năng lực thích ứng cải tiến sáng tạo trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao;

(PLO10): Có ý thức công dân; có trách nhiệm xã hội, tuân thủ các quy tắc và đạo đức nghề nghiệp.

### **5. Yêu cầu về ngoại ngữ và tin học**

(PLO11): Đạt chuẩn Tiếng Anh trình độ bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam theo Quy định chuẩn đầu ra Tiếng Anh đối với sinh viên trình độ đại học của Trường Đại học Thương mại ban hành kèm theo Quyết định 2422/QĐ-ĐHTM năm 2022 của Trường Đại học Thương mại.

(PLO12): Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Quy định về yêu cầu chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin đối với sinh viên trình độ đại học hệ chính quy không thuộc ngành Hệ thống thông tin quản lý ban hành kèm theo Quyết định số 634/QĐ-ĐHTM ngày 26/9/2017 và được bổ sung, sửa đổi theo Quyết định số 338/QĐ-ĐHTM ngày 14/3/2022 của Trường Đại học Thương mại.

### **6. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp**

#### ***Các vị trí việc làm phù hợp sau tốt nghiệp***

Người học tốt nghiệp chuyên ngành Phân tích kinh doanh trong môi trường số có thể theo đuổi sự nghiệp ở các vị trí công tác sau:

- Chuyên viên, tư vấn viên về phân tích kinh doanh, nghiên cứu thị trường, phân tích dữ liệu, hỗ trợ kinh doanh, quản lý dự án, Logistics, ...

- Chuyên gia phân tích kinh doanh và thương mại;

- Các nhà nghiên cứu, giảng viên ngành Kinh tế số;

Ngoài ra, người học sau khi tốt nghiệp có thể tự khởi sự kinh doanh, thành lập công ty tư vấn chiến lược kinh doanh, tư vấn giải pháp kinh doanh.

#### ***Các tổ chức, doanh nghiệp có cơ hội làm việc phù hợp***

Người học tốt nghiệp chuyên ngành Phân tích kinh doanh trong môi trường số có thể làm việc cho các tổ chức và doanh nghiệp sau:

- Các doanh nghiệp Việt Nam; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, các công ty liên doanh; công ty đa quốc gia;

- Các tổ chức/ khu vực công, các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức kinh tế-xã hội từ trung ương đến địa phương;

- Các cơ sở giáo dục đào tạo: học viện, viện nghiên cứu, trường đại học, trường cao đẳng, trường trung cấp, ... có nghiên cứu và đào tạo về kinh tế số, phân tích kinh doanh.

## 7. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

- Trên nền tảng các kiến thức và kỹ năng đã được trang bị, sinh viên sau khi tốt nghiệp chuyên ngành Phân tích kinh doanh trong môi trường số có khả năng tiếp tục học tập ở trình độ thạc sĩ, tiến sĩ cùng ngành hoặc ngành gần tại nhiều trường đại học trong và ngoài nước;

- Người học có khả năng chuyển đổi hoặc liên thông sang các ngành đào tạo khác, đặc biệt các ngành thuộc khối ngành kinh tế; quản lý và kinh doanh;

- Người học có khả năng tự nghiên cứu, học tập, bổ sung, cập nhật các tri thức và kỹ năng của nhà phân tích kinh doanh trong môi trường số để đáp ứng yêu cầu công việc với nhiều biến động trong bối cảnh phát triển kinh tế số.

## 8. Các chương trình, chuẩn đầu ra quốc tế đã tham khảo

### 8.1. Trong nước

- Quyết định 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Khung trình độ Quốc gia;

- Chương trình đào tạo cử nhân Kinh doanh số (bằng tiếng Anh), chuyên ngành Quản trị Kinh doanh, trường Đại học Kinh tế Quốc dân

<https://daotao.neu.edu.vn/vi/chuong-trinh-dao-tao-bang-tieng-anh/kinh-doanh-so-e-bdb>

- Chương trình đào tạo cử nhân ngành Kinh tế số, trường Đại học Thủy lợi  
<http://fem.tlu.edu.vn/dao-tao/clip-gioi-thieu-nganh-kinh-te-so-1022>

- Chương trình đào tạo cử nhân chuyên ngành Kinh tế và Kinh doanh số, Ngành Kinh tế số, Học viện Chính sách và Phát triển, Bộ Kế hoạch và Đầu tư

[http://apd.edu.vn/en/cac-chuong-trinh-dao-tao6/-/asset\\_publisher/oZMtrdKOUKAe/content/id/505595](http://apd.edu.vn/en/cac-chuong-trinh-dao-tao6/-/asset_publisher/oZMtrdKOUKAe/content/id/505595)

- Chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế số, Trường Đại học Công nghệ thông tin và Truyền thông, Đại học Thái Nguyên

<https://tuyensinh.ictu.edu.vn/nganh-kinh-te-so-ictu/>

- Chương trình đào tạo cử nhân chuyên ngành Kinh tế và Kinh doanh số, Ngành Kinh tế số, Học viện Nông Nghiệp Việt Nam

<https://tuyensinh.vnua.edu.vn/nganh-kinh-te-so/>

- Chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế số, ngành Kinh tế số, Trường Đại học Nam Cần Thơ

<https://nctu.edu.vn/de-an-tu-chu-mo-nganh-kinh-te-so-trinh-do-dai-hoc>

- Chương trình đào tạo cử nhân Phân tích dữ liệu kinh doanh (bằng tiếng Anh),

Trường Quốc tế, Đại học Quốc gia Hà Nội

<http://www.is.vnu.edu.vn/phan-tich-du-lieu-kinh-doanh/>

## 8.2. Ngoài nước

- Arizona State University (Ranking 219), Business Data Analytics (BSc)

<https://degrees.apps.asu.edu/bachelors/major/ASU00/BABDABS/business-data-analytics?init=false&nopassive=true>

- University of Amsterdam (Ranking 58), Business Analytics (BSc)

<https://www.uva.nl/en/programmes/bachelors/business-analytics/study-programme/study-programme.html>

- La Trobe University, (Ranking 316), Business Analytics (BSc)

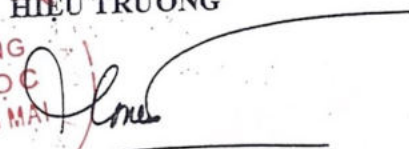
<https://www.latrobe.edu.au/courses/bachelor-of-business-analytics>

- University of Newcastle, (Ranking 192), Business Analytics (BSc)


[https://www.newcastle.edu.au/data/assets/pdf\\_file/0007/790693/B-Commerce-B-Business-Analytics-40265-Newcastle-2022.pdf](https://www.newcastle.edu.au/data/assets/pdf_file/0007/790693/B-Commerce-B-Business-Analytics-40265-Newcastle-2022.pdf)

- Universiti Brunei Darussalam, (Ranking 256), Digital Economy (BSc)

<https://ubd.edu.bn/c31/bsc-in-digital-economy.html>

HIỆU TRƯỞNG  
TRƯỜNG  
ĐẠI HỌC  
THƯƠNG MẠI  
  
PGS, TS. Nguyễn Hoàng

TRƯỞNG KHOA

  
TS. Phan Thanh Tùng

## **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

*(Ban hành theo quyết định số ~~2344~~/QĐ-ĐHTM ngày ~~23~~ tháng ~~12~~ năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại)*

|                              |  |
|------------------------------|--|
| <b>Chương trình đào tạo:</b> | <b>Tên tiếng Việt: Phân tích kinh doanh trong môi trường số<br/>(Tên tiếng Anh: Business analytics in Digital environment)</b> |
| <b>Trình độ đào tạo:</b>     | <b>Đại học</b>   |
| <b>Ngành đào tạo:</b>        | <b>Kinh tế số</b>  |
| <b>Mã ngành:</b>             | <b>7310109</b>   |
| <b>Chuyên ngành đào tạo:</b> | <b>Phân tích kinh doanh trong môi trường số</b>  |
| <b>Ngôn ngữ đào tạo:</b>     | <b>Tiếng Việt</b>  |

### **1. Mục tiêu của chương trình đào tạo**

*- Mục tiêu chung:*

Chương trình phân tích kinh doanh trong môi trường số là CTĐT định hướng ứng dụng, đào tạo cử nhân ngành Kinh tế số, chuyên ngành Phân tích kinh doanh trong môi trường số có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; có kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị và pháp luật; có kiến thức chuyên sâu và hiện đại về phân tích kinh doanh trên nền tảng số; có năng lực tự nghiên cứu, làm việc độc lập, sáng tạo cũng như làm việc nhóm.

Sinh viên sau khi tốt nghiệp có khả năng thực hành các kiến thức, tham gia phân tích kinh doanh, tư vấn chiến lược, quy hoạch và tư vấn quản lý các hoạt động kinh tế - kinh doanh trong môi trường số; sinh viên tốt nghiệp có khả năng làm việc đáp ứng được nhu cầu chuyển đổi số tại các tổ chức và các doanh nghiệp; có khả năng nghiên cứu và giảng dạy tại các học viện, viện nghiên cứu, các trường đại học, cao đẳng đào tạo chuyên ngành; có cơ hội học tiếp các chương trình sau đại học.

*- Mục tiêu cụ thể:*

Đào tạo cử nhân ngành kinh tế số có kiến thức cơ bản và hiện đại về thống kê ứng dụng, công nghệ thông tin và kinh tế - kinh doanh, nắm được xu hướng chuyển đổi số của các doanh nghiệp, các tổ chức trong thời đại số;

Đào tạo cử nhân ngành kinh tế số có kiến thức chuyên sâu về phân tích dữ liệu và công nghệ số trong kinh doanh và thương mại;

Đào tạo cử nhân ngành kinh tế số có khả năng phát hiện vấn đề, thu thập và xử lý số liệu bằng các công cụ hiện đại nhằm dự báo, đề xuất các chiến lược kinh doanh thông minh cho các doanh nghiệp/tổ chức trong bối cảnh phát triển nền kinh tế số;

Đào tạo cử nhân ngành kinh tế số có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp cần thiết; có năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm, tự học và sáng tạo để nâng cao kiến thức, phát triển kỹ năng trong lĩnh vực chuyên môn về phân tích kinh doanh trong quá trình chuyển đổi số.

## **2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo**

### **2.1. Kiến thức**

(PLO1): Áp dụng được các kiến thức cơ bản về lý luận chính trị, pháp luật, khoa học tự nhiên, xã hội và kiến thức nền về kinh tế vào hoạt động phân tích kinh doanh của doanh nghiệp và tổ chức;

(PLO2): Vận dụng được các kiến thức tổng hợp về kinh tế, kinh doanh và triển khai quy trình xử lý dữ liệu trên các nền tảng công nghệ hiện đại phục vụ cho hoạt động phân tích kinh doanh và hỗ trợ ra quyết định của doanh nghiệp và tổ chức trong bối cảnh phát triển nền kinh tế số;

(PLO3): Vận dụng được các kiến thức bổ trợ trong tiếp cận và giải quyết các vấn đề chuyên môn ngành kinh tế số; hoặc có thể chuyển đổi sang ngành đào tạo khác hay học lên các trình độ cao hơn thuộc khối ngành kinh tế, kinh doanh và quản lý;

### **2.2. Yêu cầu về kỹ năng**

(PLO4): Thực hành được kỹ năng áp dụng kiến thức để thu thập, phân tích và xử lý dữ liệu bằng các công cụ hiện đại.

(PLO5): Thực hiện được các kỹ năng tổng hợp, lập báo cáo, đánh giá và đề xuất các giải pháp kinh doanh.

(PLO6): Thực hành được các kỹ năng vận dụng công nghệ thông tin và công nghệ số trong giải quyết công việc.

(PLO7): Thực hiện được các kỹ năng thuyết trình và khả năng dẫn dắt nhằm truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; thử nghiệm được các kỹ năng phân tích kinh doanh trong khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.

### **2.3. Yêu cầu về mức độ tự chủ và trách nhiệm**

(PLO8): Có khả năng tự chủ, tự định hướng, làm việc độc lập để đưa ra kết luận và bảo vệ được quan điểm cá nhân trong chuyên môn; có khả năng làm việc theo nhóm để xây dựng kế hoạch, tổ chức và thực hiện các nhiệm vụ phân tích kinh doanh trong môi trường số.

(PLO9): Có tinh thần khởi nghiệp; có năng lực tự học tập suốt đời; có năng lực thích ứng cải tiến sáng tạo trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao;

(PLO10): Có ý thức công dân; có trách nhiệm xã hội, tuân thủ các quy tắc và đạo đức nghề nghiệp.

#### **2.4. Yêu cầu về ngoại ngữ và tin học**

(PLO11): Đạt chuẩn Tiếng Anh trình độ bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam theo Quy định chuẩn đầu ra Tiếng Anh đối với sinh viên trình độ đại học của Trường Đại học Thương mại ban hành kèm theo Quyết định 1551/QĐ-ĐHTM ngày 13/10/2021 của Trường Đại học Thương mại.

(PLO12): Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Quy định về yêu cầu chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin đối với sinh viên trình độ đại học hệ chính quy không thuộc ngành Hệ thống thông tin quản lý ban hành kèm theo Quyết định số 634/QĐ-ĐHTM ngày 26/9/2017 và được bổ sung, sửa đổi theo Quyết định số 338/QĐ-ĐHTM ngày 14/3/2022 của Trường Đại học Thương mại.

**3. Khối lượng kiến thức toàn khóa:** 131 TC (trong đó: 120 TC học tập và tốt nghiệp, 11 TC Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng - an ninh).

#### **4. Đối tượng tuyển sinh**

Người học trong cả nước đảm bảo Chuẩn đầu vào chương trình đào tạo đại học - Người học phải tốt nghiệp THPT hoặc tương đương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

#### **5. Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp**

##### **5.1. Quy trình đào tạo**

Quy trình đào tạo được tổ chức triển khai theo 5 bước nhằm đảm bảo hoạt động đào tạo thực hiện đúng tiến độ kế hoạch đã đề ra, tuân thủ quy chế đào tạo hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường, bao gồm:

**Bước 1.** Xây dựng Kế hoạch toàn khóa;

**Bước 2.** Xây dựng kế hoạch giảng dạy từng học kỳ (gồm: xây dựng lịch trình, thời

khóa biểu, lịch thi từng học kỳ) và tổ chức triển khai kế hoạch giảng dạy theo trình tự sau:

- Dựa trên kế hoạch toàn khóa, từng học kỳ phòng Quản lý đào tạo xây dựng lịch trình, thời khóa biểu dự kiến cho kỳ sau, gửi các bộ môn;

- Bộ môn phân công giảng viên giảng dạy và gửi lại phòng Quản lý đào tạo sau khi có ý kiến của Trưởng Khoa/Viện quản lý chuyên ngành;

- Phòng Quản lý đào tạo đăng tải thời khóa biểu dự kiến (có tên giảng viên giảng dạy lớp học phần) trên trang <http://dangky.tmu.edu.vn> để sinh viên tham khảo trước khi đăng ký học tập;

- Tổ chức cho sinh viên đăng ký học tập;

- Thành lập lớp học phần (thời khóa biểu chính thức) trên cơ sở kết quả đăng ký học tập của sinh viên;

- Chuyển thời khóa biểu chính thức cho Khoa/Viện quản lý chuyên ngành và Bộ môn phụ trách học phần; Lưu trữ Thời khóa biểu chính thức tại Phòng Quản lý đào tạo;

- Tổ chức giảng dạy theo thời khóa biểu (điều hành, kiểm tra, theo dõi tình thực thực hiện kế hoạch giảng dạy/Thời khóa biểu);

- Xây dựng Lịch thi, tổ chức kỳ thi và đánh giá kết quả học tập của sinh viên.

**Bước 3.** Xử lý các vấn đề về học vụ, gồm: cảnh báo kết quả học tập, buộc thôi học; thôi học; tạm ngừng học; chuyển hình thức đào tạo,...

**Bước 4.** Xét, công nhận tốt nghiệp cho sinh viên

**Bước 5.** Cấp Bằng tốt nghiệp cho sinh viên.

## **5.2. Điều kiện tốt nghiệp**

Sinh viên có đủ các điều kiện sau đây được xét công nhận tốt nghiệp:

a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự; hoặc không trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập và vẫn còn trong phạm vi thời gian tối đa được phép học tập tại trường của sinh viên;

b) Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ quy định theo chương trình đào tạo tương ứng; đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra ngoại ngữ và chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin theo quy định của Trường;

c) Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên;

d) Có đơn gửi phòng Quản lý đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn hơn so với thời gian thiết kế của khóa học

f) Có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng - An ninh và hoàn thành chương trình Giáo dục thể chất.

## 6. Phương thức đánh giá

Theo thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ, được quy định cụ thể trong Quy chế đào tạo trình độ đại học và Quy định về hoạt động khảo thí của Trường Đại học Thương mại.

## 7. Nội dung chương trình đào tạo

| STT          | Khối kiến thức và các học phần      | Mã học phần | Số TC     | Cấu trúc |
|--------------|-------------------------------------|-------------|-----------|----------|
| <b>1</b>     | <b>KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG</b> |             | <b>40</b> |          |
| <b>1.1</b>   | <b>Giáo dục đại cương</b>           |             | <b>29</b> |          |
| <b>1.1.1</b> | <b>Các học phần bắt buộc</b>        |             | <b>27</b> |          |
| 1            | Triết học Mác-Lênin                 | MLNP0221    | 3         | 36,18    |
| 2            | Chủ nghĩa xã hội khoa học           | HCM10121    | 2         | 24,12    |
| 3            | Tư tưởng Hồ Chí Minh                | HCM10111    | 2         | 24,12    |
| 4            | Kinh tế chính trị Mác-Lênin         | RLCP1211    | 2         | 24,12    |
| 5            | Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam      | HCM10131    | 2         | 21,18    |
| 6            | Pháp luật đại cương                 | TLAW0111    | 2         | 24,12    |
| 7            | Tiếng Anh 1                         | ENTH1411    | 2         | 24,12    |
| 8            | Tiếng Anh 2                         | ENTH1511    | 2         | 24,12    |
| 9            | Tiếng Anh 3                         | ENTH1611    | 2         | 24,12    |
| 10           | Toán đại cương                      | AMAT1011    | 3         | 36,18    |
| 11           | Tin học quản lý                     | INFO0311    | 3         | 36,18    |
| 12           | Phương pháp nghiên cứu khoa học     | SCRE0111    | 2         | 24,12    |
| <b>1.1.2</b> | <b>Các học phần tự chọn</b>         |             | <b>2</b>  |          |
|              | <i>Chọn 2 TC trong các HP sau:</i>  |             |           |          |
| 1            | Lịch sử các học thuyết kinh tế      | RLCP0221    | 2         | 24,12    |
| 2            | Khởi sự kinh doanh                  | CEMG4111    | 2         | 24,12    |



|               |   |          |           |       |
|---------------|---|----------|-----------|-------|
| <b>1.2</b>    | <b>Giáo dục thể chất</b>                |          | <b>3</b>  |       |
| <b>1.2.1</b>  | <b>Các học phần bắt buộc</b>            |          | <b>1</b>  |       |
| 1             | Giáo dục thể chất chung                 | GDTC1611 | 1         |       |
| <b>1.2.2</b>  | <b>Các học phần tự chọn</b>             |          | <b>2</b>  |       |
|               | <i>Chọn 2 TC trong các HP sau:</i>      |          |           |       |
| 1             | Bóng ném                                | GDTC0721 | 1         |       |
| 2             | Bóng chuyền                             | GDTC0621 | 1         |       |
| 3             | Cầu lông                                | GDTC0521 | 1         |       |
| 4             | Bóng bàn                                | GDTC1621 | 1         |       |
| 5             | Cờ vua                                  | GDTC1721 | 1         |       |
| 6             | Bóng rổ                                 | GDTC0821 | 1         |       |
| <b>1.3</b>    | <b>Giáo dục quốc phòng - an ninh</b>    |          | <b>8</b>  |       |
| <b>2</b>      | <b>KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP</b> |          | <b>91</b> |       |
| <b>2.1.</b>   | <b>Kiến thức cơ sở ngành</b>            |          | <b>29</b> |       |
| <b>2.1.1.</b> | <b>Các học phần bắt buộc</b>            |          | <b>18</b> |       |
| 1             | Kinh tế học                             | MIEC0821 | 3         | 36,18 |
| 2             | Nhập môn tài chính-tiền tệ              | EFIN2811 | 3         | 36,18 |
| 3             | Kinh tế lượng                           | AMAT0411 | 3         | 36,18 |
| 4             | Nguyên lý kế toán                       | FACC0111 | 3         | 36,18 |
| 5             | Tiếng Anh thương mại 1                  | ENTI3311 | 2         | 24,12 |
| 6             | Chuyển đổi số trong kinh doanh          | PCOM1111 | 2         | 24,12 |
| 7             | Tiếng Anh thương mại 2                  | ENTI3411 | 2         | 24,12 |
| <b>2.1.2.</b> | <b>Các học phần tự chọn</b>             |          | <b>11</b> |       |
|               | <i>Chọn 11 TC trong các HP sau:</i>     |          |           |       |
| 1             | Nhập môn phân tích kinh doanh           | DECO0611 | 2         | 24,12 |
| 2             | Marketing căn bản                       | BMKT0111 | 3         | 36,18 |
| 3             | Thị trường chứng khoán                  | BKSC2311 | 3         | 36,18 |
| 4             | Thương mại điện tử căn bản              | PCOM0111 | 3         | 36,18 |
| 5             | Kinh doanh quốc tế                      | ITOM1311 | 3         | 36,18 |
| 6             | Khai phá dữ liệu trong kinh doanh       | INFO2111 | 2         | 24,12 |
| 7             | Quản trị học                            | BMGM0111 | 3         | 36,18 |

|               |   |          |           |         |
|---------------|---|----------|-----------|---------|
| 8             | Luật kinh tế 1  | PLAW0321 | 3         | 36,18   |
| <b>2.2.</b>   | <b>Kiến thức ngành (bao gồm chuyên ngành)</b>             |          | <b>40</b> |         |
| <b>2.2.1.</b> | <b>Các học phần bắt buộc</b>                              |          | <b>29</b> |         |
| 1             | Lý thuyết kinh tế số                                      | DECO0111 | 3         | 36,18   |
| 2             | Hệ thống thông tin quản lý                                | ECIT0311 | 3         | 36,18   |
| 3             | Phân tích kinh doanh hỗ trợ ra quyết định*                | DECO0221 | 3         | 34,12,5 |
| 4             | Cơ sở dữ liệu   | INFO2311 | 2         | 24,12   |
| 5             | Học máy   | DECO0311 | 3         | 36,18   |
| 6             | Lập trình với Python                                      | INFO4511 | 3         | 36,18   |
| 7             | Thống kê thực hành  | EDAN0211 | 3         | 0,90    |
| 8             | Các phương pháp và mô hình dự báo kinh tế xã hội          | DECO0411 | 3         | 36,18   |
| 9             | Các mô hình kinh doanh số                                 | EDAN0111 | 3         | 36,18   |
| 10            | Phân tích dữ liệu lớn*                                    | EDAN0321 | 3         | 34,12,5 |
| <b>2.2.2.</b> | <b>Các học phần tự chọn</b>                               |          | <b>11</b> |         |
|               | <i>Chọn 11 TC trong các HP sau:</i>                       |          |           |         |
| 1             | Văn hóa kinh doanh  | BMGM1221 | 2         | 24,12   |
| 2             | Quản trị tài chính 1                                      | FMGM0231 | 3         | 36,18   |
| 3             | Marketing thương mại điện tử                              | SMGM0511 | 3         | 36,18   |
| 4             | Thanh toán điện tử  | PCOM0411 | 3         | 36,18   |
| 5             | Công nghệ Blockchain và ứng dụng trong thương mại điện tử | PCOM0321 | 2         | 24,12   |
| 6             | Thiết kế và triển khai Website                            | ECIT0731 | 3         | 36,18   |
| 7             | Quản trị Logistics Kinh doanh                             | BLOG1511 | 3         | 36,18   |
| 8             | Kinh doanh chứng khoán                                    | BKSC2211 | 3         | 36,18   |
| <b>2.3.</b>   | <b>Kiến thức bổ trợ</b>                                   |          | <b>12</b> |         |
| <b>2.3.1.</b> | <b>Các học phần bắt buộc</b>                              |          | <b>6</b>  |         |
| 1             | Marketing số  | MAGM1011 | 3         | 36,18   |
| 2             | Phân tích báo cáo tài chính                               | ANST0833 | 3         | 36,18   |
| <b>2.3.2.</b> | <b>Các học phần tự chọn</b>                               |          | <b>6</b>  |         |

|            |  |          |           |       |
|------------|--|----------|-----------|-------|
|            | <i>Chọn 6 TC trong các HP sau:</i>                     |          |           |       |
| 1          | Toán tài chính ứng dụng                                | EDAN0411 | 3         | 36,18 |
| 2          | Định giá tài sản                                       | EFIN3011 | 3         | 36,18 |
| 3          | Hành vi tổ chức  | BMKT3421 | 3         | 36,18 |
| 4          | Hành vi khách hàng                                     | BMKT3811 | 3         | 36,18 |
| <b>2.4</b> | <b>Thực tập nghề nghiệp và làm tốt nghiệp khóa học</b> |          | <b>10</b> |       |
| 1          | Thực tập và viết Báo cáo thực tập tổng hợp             | REPV1111 | 3         | 0,90  |
| 2          | Thực tập và viết khóa luận tốt nghiệp                  | LVVV1111 | 7         | 0,210 |

*Ghi chú: Tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu toàn khóa học: 131 tín chỉ với 120 tín chỉ học tập và tốt nghiệp, 11 TC Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng – an ninh. Trong 120 TC học tập và tốt nghiệp có 80 tín chỉ bắt buộc và 30 tín chỉ tự chọn. Các học phần có dấu \* có tổ chức báo cáo thực tế.*

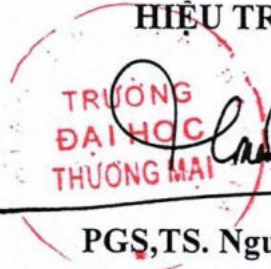
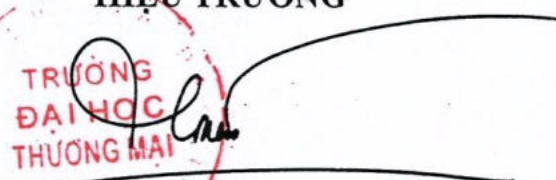
#### **8. Hướng dẫn thực hiện chương trình**

| <b>TT</b> | <b>Kỳ học</b>  | <b>Học phần</b>                      | <b>Số TC</b>    |
|-----------|----------------|--------------------------------------|-----------------|
| 1         | KỲ I           | Khối kiến thức GDĐC                  | 9-10TC          |
|           |                | Khối kiến thức cơ sở ngành           | 03TC            |
|           |                | <b>Tổng cộng</b>                     | <b>12-13TC</b>  |
| 2         | KỲ II          | Khối kiến thức GDĐC                  | 6-8TC           |
|           |                | Khối kiến thức cơ sở ngành           | 6-8TC           |
|           |                | Giáo dục thể chất                    | 01 TC           |
|           |                | <b>Tổng cộng</b>                     | <b>15-16TC</b>  |
| 3         | KỲ HÈ NĂM NHẤT | <b>Giáo dục quốc phòng – an ninh</b> | <b>08 TC</b>    |
| 4         | KỲ III         | Khối kiến thức GDĐC                  | 04 TC           |
|           |                | Khối kiến thức cơ sở ngành           | 11-12 TC        |
|           |                | Giáo dục thể chất                    | 01 TC           |
|           |                | <b>Tổng cộng</b>                     | <b>16-17 TC</b> |
| 5         | KỲ IV          | Khối kiến thức GDĐC                  | 6-8TC           |
|           |                | Khối kiến thức cơ sở ngành           | 3-6TC           |
|           |                | Khối kiến thức ngành, chuyên ngành   | và 3-6TC        |
|           |                | <b>Tổng cộng</b>                     | <b>15-17 TC</b> |


| TT | Kỳ học           | Học phần  | Số TC          |
|----|------------------|---|----------------|
| 6  | KỶ V             | Khối kiến thức cơ sở ngành  | 02 TC          |
|    |                  | Khối kiến thức ngành, chuyên ngành  | 12-15 TC       |
|    |                  | Giáo dục thể chất   | 01 TC          |
|    |                  | <b>Tổng cộng</b>  | <b>15-17TC</b> |
| 7  | KỶ VI            | Khối kiến thức cơ sở ngành  | 02 TC          |
|    |                  | Khối kiến thức ngành, chuyên ngành  | 05-06 TC       |
|    |                  | Khối kiến thức bổ trợ   | 09 TC          |
|    |                  | <b>Tổng cộng</b>  | <b>16-17TC</b> |
| 8  | KỶ VII           | Khối kiến thức ngành, chuyên ngành  | 13-15 TC       |
|    |                  | Khối kiến thức bổ trợ   | 03 TC          |
|    |                  | <b>Tổng cộng</b>  | <b>16-18TC</b> |
| 9  | KỶ VIII          | Thực tập và viết Báo cáo thực tập tổng hợp<br>Thực tập và viết khóa luận tốt nghiệp | <b>10TC</b>    |
| 10 | <b>TỔNG CỘNG</b> |   | <b>131TC</b>   |

Quá trình tổ chức giảng dạy, đánh giá học phần được triển khai theo hình thức trực tiếp hoặc kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến, bảo đảm quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Thương mại về tổ chức đào tạo và khảo thí.

HIỆU TRƯỞNG

   
PGS, TS. Nguyễn Hoàng

TRƯỞNG KHOA

  
TS. Phan Thanh Tùng